

Dự thảo

QUY ĐỊNH

Về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

1. Việc xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và của tỉnh; đảm bảo lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định. Thể hiện tiêu chí ưu tiên phân bổ đối với khối Đảng, cơ quan Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và một số cơ quan quản lý hành chính nhà nước có hoạt động đặc thù thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

2. Phù hợp với khả năng cân đối NSNN, kế hoạch tài chính giai đoạn 2026-2030. Thúc đẩy cơ cấu lại thu - chi ngân sách nhà nước, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, sắp xếp, tinh gọn bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp

công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, thực hiện đề án cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

5. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

6. Ngoài thực hiện các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên quy định từ khoản 1 đến khoản 5 điều này; cấp xã tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí sau:

a. Định mức phân bổ chi thường xuyên của NSDP được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, đảm bảo chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được nhà nước ban hành đến 31/10/2025. Trong năm ngân sách 2026, khi Trung ương hoặc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hoặc điều chỉnh tăng mức các chính sách an sinh xã hội, chính sách làm tăng chi ngân sách sau thời điểm 31/10/2025, các địa phương sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định để thực hiện; trường hợp còn khó khăn đề nghị ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, địa phương phải chủ động sử dụng dự toán NSDP, bao gồm cả dự phòng,... theo quy định, để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của NSDP, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cho NSDP theo quy định.

b. Trường hợp dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước (không bao gồm chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất) và dự toán chi thường xuyên NSDP tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức năm 2026 thấp hơn dự toán năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong phạm vi nguyên tắc quy định tại điểm a khoản này và các tiêu chí phân bổ tại Chương II được hỗ trợ để không thấp hơn. Đối với số hỗ trợ cân đối chi NSDP, Hội đồng nhân dân cấp xã được chủ động bố trí cơ cấu chi NSDP năm 2026 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển.

c. Tiêu chí làm căn cứ để xây dựng định mức phải đảm bảo rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ áp dụng và kiểm tra trong quá trình thực hiện, góp phần triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; tăng quyền hạn, tính chủ động gắn liền với yêu cầu trách nhiệm trong quản lý NSNN của các huyện.

d. Định mức phân bổ được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định, đảm bảo chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo quy định hiện hành, hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được cấp thẩm quyền ban hành đến thời điểm 31/10/2025, trong đó:

Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo phân bổ đảm bảo tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập không thấp hơn 19% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục.

Các lĩnh vực sự nghiệp khác xác định trên tiêu chí dân số và các tiêu chí bổ sung tùy theo tính chất đặc thù của từng địa phương.

Tiêu chí dân số phân bổ định mức có điều chỉnh tăng tỷ lệ dân số như sau: xã biên giới có dân số dưới 18.000 người điều chỉnh tăng 40%, xã biên giới có dân số từ 18.000 người trở lên điều chỉnh tăng 30%, xã thường (không phải xã biên giới) có dân số dưới 20.000 người điều chỉnh tăng 20%.

Bên cạnh đó định mức được phân chia theo địa giới hành chính cấp xã, như sau

+ Các xã Biên giới: căn cứ theo Công văn số 4278/BNG-UBBG ngày 09/7/2025 của Bộ Ngoại giao về số liệu đường biên, mốc giới trên tuyến biên giới Việt Nam- Lào, Việt Nam- Campuchia sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 19 xã biên giới;

+ Các xã, phường “Trung tâm”: định nghĩa các xã gọi là xã, phường “Trung tâm”, căn cứ xã, phường nào thừa hưởng cơ sở vật chất của trung tâm hành chính huyện, thị xã, thành phố trước khi kết thúc hoạt động, theo đó trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 21 xã, phường trung tâm (trừ 03 xã biên giới nhưng được thừa hưởng cơ sở vật chất của huyện trước khi kết thúc hoạt động);

+ Các xã, phường còn lại: trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 56 xã, phường không thuộc 02 nhóm nêu trên.

Ngoài ra, đối với mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế kết hợp định hướng quy hoạch chung các đô thị, đô thị mở rộng, đô thị mới và các vùng còn lại theo Công văn số 2686/UBND-KTTC ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh về việc chỉ đạo triển khai công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh, năm 2025-2026.

đ. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên quy định tại Nghị quyết này làm cơ sở xác định tổng chi thường xuyên ngân sách các cấp. Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ mức phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2026 do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của địa phương đề trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện phân bổ cho phù hợp với đặc điểm

tình hình cụ thể của các cơ quan, đơn vị trực thuộc xã, phường nhưng đảm bảo không thấp hơn tổng chi thường xuyên của từng cấp theo từng lĩnh vực được phân bổ theo định mức tại Nghị quyết này. Các năm trong giai đoạn sau năm 2026, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ mức phân bổ dự toán chi ngân sách do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, khả năng ngân sách, yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của địa phương để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện phân bổ dự toán ngân sách hàng năm cho phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của các cơ quan, đơn vị trực thuộc xã, phường; đối với các lĩnh vực được phân bổ theo chỉ tiêu pháp lệnh, phân bổ đảm bảo không thấp hơn mức được giao.

Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên cho các đơn vị cấp tỉnh

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với đơn vị quản lý hành chính, đảng, đoàn thể

a. Đảm bảo chi con người của cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan quản lý nhà nước theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao

- Tiền lương, các khoản phụ cấp; các khoản đóng góp theo quy định hiện hành và kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của số biên chế thực tế, không vượt quá số biên chế được giao.

- Đối với số biên chế chưa được tuyển dụng so với biên chế được giao sẽ khoán theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp, phụ cấp công vụ, đoàn thể theo chế độ cho mỗi biên chế chưa tuyển dụng được.

b. Định mức phân bổ chi hoạt động tính theo biên chế được giao

Quản lý nhà nước và Đoàn thể: áp dụng định mức theo phương pháp lũy thoái, số biên chế được giao được chia thành các bậc khác nhau, với quy mô của bậc đầu tiên là 15 biên chế trở xuống, định mức phân bổ ngân sách giảm dần theo các bậc biên chế, cụ thể như sau:

- Từ 15 biên chế trở xuống: 50 triệu đồng/biên chế/năm;
- Từ biên chế thứ 16 đến 30: 45 triệu đồng/biên chế/năm;
- Từ biên chế thứ 31 trở lên: 40 triệu đồng/biên chế/năm.

Riêng Văn phòng tỉnh ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội - HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh: 55 triệu đồng/biên chế/năm

Định mức phân bổ trên bao gồm

(i) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị CBCC hàng năm; đoàn ra; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng, điện nước, xăng dầu; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan;...

(ii) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; tập huấn, tuyên truyền, phổ

biển văn bản quy phạm pháp luật; hoạt động kiểm tra, giám sát; chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn;....

(iii) Kinh phí bảo trì, sửa chữa thường xuyên đối với trụ sở, xe ô tô phục vụ công tác chung và chức danh, tài sản khác; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

c. Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo biên chế, các cơ quan, đơn vị được phân bổ các kinh phí sau:

- Kinh phí thực hiện khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Quỹ tiền thưởng này nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Đồng thời đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các ngành như: đối ứng chương trình mục tiêu, dự án của Trung ương; chi tổ chức Đại hội cấp tỉnh theo nhiệm kỳ, Hội nghị quốc tế; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo; chi thuê trụ sở (nếu có); chi sửa chữa lớn đối với ô tô phục vụ công tác chung và chức danh, tài sản khác; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động chung, máy móc trang thiết bị chuyên dùng theo quy định.

- Kinh phí phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính; kinh phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí; chi công tác phí, hoạt động các đoàn Thanh tra, máy sắm trang phục ngành;

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của từng đơn vị và các khoản phát sinh không thường xuyên khác.

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù của từng ngành, đơn vị do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ NSDP hàng năm; chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; hỗ trợ người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng theo quy định của Chính phủ.

d. Dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể điều chỉnh tăng, giảm theo khả năng ngân sách nhà nước do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách địa phương hàng năm.

đ. Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên lái xe và làm công việc thừa hành, phục vụ để thực hiện công

việc hỗ trợ, phục vụ nội bộ của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể. Căn cứ mức khoán tối đa tại quy định này và định mức chi thường xuyên được phân bổ hằng năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định số lượng hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ đảm bảo phục vụ nhiệm vụ cơ quan. Cụ thể:

- Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên lái xe theo số lượng có mặt thực tế không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai: 100 triệu đồng/01 hợp đồng/năm.

- Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên bảo vệ theo số lượng có mặt thực tế, tối đa không quá 02 hợp đồng/01 trụ sở: 100 triệu đồng/01 hợp đồng/năm. Riêng các cơ quan, đơn vị thực hiện sắp xếp bộ máy theo Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt, trong thời gian chờ sắp xếp, bàn giao trụ sở cho cơ quan quản lý theo phương án sắp xếp tài sản thì được tiếp tục hợp đồng lao động để bảo vệ tài sản cho đến khi bàn giao.

- Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên phục vụ, tạp vụ theo số lượng có mặt thực tế, tối đa không quá 02 hợp đồng/01 trụ sở: 100 triệu đồng/01 hợp đồng/năm.

- Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên lễ tân, phục vụ, bảo trì, bảo dưỡng, bảo vệ, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo số lượng có mặt thực tế trong phạm vi đề án vị trí việc làm được phê duyệt: 100 triệu đồng/01 hợp đồng/năm.”

- Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên lái xe của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo số lượng có mặt thực tế không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai: 120 triệu đồng/01 hợp đồng/năm”.

e. Các hội đặc thù: thực hiện hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao và các quy định sau đối với các hội đặc thù được giao biên chế (Liên Minh hợp tác xã, Hội Chữ thập đỏ, Liên Hiệp các tổ chức hữu nghị):

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số biên chế thực tế có mặt (không vượt số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao)

và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp.

- Phân bổ chi hoạt động: 50 triệu đồng/người/năm trên số lượng biên chế thực tế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao).

2. Phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

a. Chi con người (bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương của cán bộ, công chức, viên chức sự nghiệp giáo dục theo biên chế thực tế thực hiện, không vượt quá biên chế được giao, chiếm tỉ trọng 81%.

- Chi cho hoạt động (chi cho học tập và giảng dạy) chiếm tỷ trọng 19% (chưa kể chi từ nguồn cấp bù học phí).

- Trên cơ sở tổng số chi hoạt động 19% do Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh phân bổ hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ lại cho các cơ sở giáo dục trên cơ sở số lượng cán bộ, viên chức, số lớp, số học sinh tại các cơ sở giáo dục thuộc cấp quản lý để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và học tập.

b. Chi thực hiện các chương trình, đề án theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, mức cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định hàng năm phù hợp với khả năng ngân sách.

c. Phân bổ các tiêu chí bổ sung

- Kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp;

- Kinh phí đặc thù đối với giáo viên, học sinh trường chuyên;

- Hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật;

- Hỗ trợ kinh phí chi tiền lương, tiền công hợp đồng nhân viên cấp dưỡng Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật;

- Hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn, trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

- Hỗ trợ chi vượt giờ;

- Mua sắm, sửa chữa lớn các cơ sở giáo dục;

- Kinh phí sự nghiệp ngành Giáo dục do tỉnh quản lý theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

- Hỗ trợ sinh hoạt phí và học phí cho sinh viên sư phạm;

- Kinh phí thực hiện các chế độ do địa phương quy định.

3. Phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

a. Trường Chính trị tỉnh và Trường Thể dục Thể thao

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số lượng người làm việc thực tế thực hiện (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao) và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp.

- Phân bổ chi hoạt động: 40 triệu đồng/người/năm trên số lượng người thực tế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao).

- Riêng đối với Trường Thể dục thể thao ngoài định mức chi theo cơ cấu này, được bố trí thêm chế độ dinh dưỡng đặc thù và tiền công cho vận động viên đội tuyển năng khiếu, huấn luyện viên theo chế độ quy định hiện hành.

b. Phân bổ kinh phí để thực hiện Đề án đào tạo, nâng cao và phát triển nguồn nhân lực, Đề án đào tạo nghề chất lượng cao; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các chương trình, đề án của tỉnh theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương và lộ trình của các đề án, nhiệm vụ đã được duyệt.

c. Đối với các đơn vị sự nghiệp đào tạo và dạy nghề khác: thực hiện theo cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và yêu cầu đặt hàng, giao nhiệm vụ của địa phương. Cụ thể:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí.

- Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động chi thường xuyên gồm phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp.

- Định mức phân bổ chi hoạt động của các đơn vị được ngân sách hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên tính trên số lượng người làm việc thực hiện thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt quá số lượng người được cấp có thẩm quyền phê duyệt): định mức 40 triệu đồng/người/năm.”

4. Phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

a. Hệ dự phòng tuyển tỉnh và hệ điều trị tuyển tỉnh.

Kinh phí phân bổ chi thường xuyên sự nghiệp y tế thực hiện theo lộ trình kết cấu giá dịch vụ khám chữa bệnh và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí.

Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động chi thường xuyên gồm phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp; và phân bổ chi hoạt động theo định mức được duyệt.

Định mức phân bổ chi hoạt động của các đơn vị được ngân sách hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên tính trên số lượng người làm việc thực hiện thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt quá số lượng người được cấp có thẩm quyền phê duyệt): định mức 40 triệu đồng/người/năm.

b. Hệ dự phòng của Trung tâm Y tế khu vực

Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao) và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp;

- Định mức phân bổ chi hoạt động tính trên biên chế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán: 38 triệu đồng/người/năm.

c. Phân bổ các tiêu chí bổ sung

- Chi thực hiện các chương trình, đề án theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, mức cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định hàng năm phù hợp với khả năng ngân sách.

- Chính sách dân số
- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi
- Mua sắm, sửa chữa lớn các cơ sở y tế
- Ban bảo vệ sức khỏe
- Thuốc, tâm thần, chăm sóc sức khỏe tâm thần,

- Các hoạt động phòng chống lao, HIV
- Các hoạt động nghiệp vụ y tế dự phòng
- Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện mua thẻ và hỗ trợ mua thẻ BHYT cho các đối tượng sau:

- + Trẻ em dưới 6 tuổi;
- + Người thuộc diện gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, người sinh sống tại vùng có kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn;
- + Người đã hiến bộ phận cơ thể theo quy định của pháp luật;
- + Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP; Nghị định số 176/2025/NĐ-CP
- + Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho học sinh, sinh viên

5. Phân bổ kinh phí quốc phòng

Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện công tác liên quan đến lĩnh vực quốc phòng biên giới: 25.000 triệu đồng.

6. Phân bổ kinh phí an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện công tác đối ngoại, và công tác khác thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội biên giới: 20.000 triệu đồng.

7. Phân bổ kinh phí chi sự nghiệp kinh tế

- Kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;
- Kinh phí duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới địa phương quản lý;
- Đối với nhiệm vụ chi quản lý, bảo trì đường bộ từ nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô: Phân bổ bằng mức phân bổ của Trung ương cho địa phương.

8. Phân bổ chi các sự nghiệp còn lại

a. Thực hiện theo quy định của nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự

nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí.

Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động chi thường xuyên gồm phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp; và phân bổ chi hoạt động theo định mức được duyệt.

Định mức phân bổ chi hoạt động của các đơn vị được ngân sách hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên tính trên số lượng người làm việc thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt quá số lượng người được cấp có thẩm quyền phê duyệt): định mức 40 triệu đồng/người/năm.

Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công.

b. Kinh phí đặc thù và kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng lao động đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên được bố trí trong định mức chi thường xuyên và nguồn thu (nếu có) của đơn vị.

- Kinh phí hợp đồng lao động tại các đơn vị đặc thù như: Khu Bảo tồn đất ngập nước Láng Sen, Ban Quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng, Đoàn nghệ thuật Cải Lương Vàm Cỏ, Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể thao, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật (Đoàn Xiếc), Ban Quản lý Nghĩa trang, Trung tâm Điều dưỡng Người có công, Trung tâm Công tác xã hội, Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò Xa Mát, Ban quản lý Các khu di tích lịch sử Cách mạng Miền Nam.

+ Quỹ tiền lương, tiền công: gồm tiền lương, tiền công, các khoản đóng góp theo số hợp đồng thực tế có mặt trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Định mức phân bổ chi hoạt động 20 triệu đồng/người/năm theo số hợp đồng thực tế có mặt trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ đối với đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên:

+ Quỹ tiền lương, tiền công: gồm tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo số hợp đồng thực tế, không vượt tổng số hợp đồng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Định mức phân bổ chi hoạt động: 20 triệu đồng/người/năm theo số hợp đồng thực tế có mặt không vượt tổng số hợp đồng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt”

9. Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo biên chế, các đơn vị sự nghiệp công lập được chi khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

a. Quỹ tiền thưởng này nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Đồng thời đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.

b. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng của viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4 ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch thiếu sau khi đã sử dụng hết nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Kinh phí khen thưởng được bố trí trong dự toán hàng năm của đơn vị (nếu có).

- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng của viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2 do đơn vị tự đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho ngân sách cấp xã.

1. Định mức phân bổ sự nghiệp giáo dục

a. Định mức phân bổ theo tỷ trọng chi

- Chi con người (bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành) theo biên chế có mặt, chiếm tỷ trọng 81%.

- Chi cho hoạt động (chi cho học tập và giảng dạy) chiếm tỷ trọng 19%.

b. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung bảo đảm các chế độ, chính sách

- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí;

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật;

- Hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn;
- Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số;
- Hỗ trợ chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

- Hỗ trợ ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

- Kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

- Đối với số biên chế chưa được tuyển dụng so với biên chế được giao sẽ khoán theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp, phụ cấp ưu đãi 35% theo chế độ cho mỗi biên chế chưa tuyển dụng.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1-18 tuổi)

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	33.500
+ Xã Trung tâm	32.500
+ Xã còn lại	31.500

Định mức trên bao gồm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chính trị theo nhiệm vụ giao hàng năm không bao gồm kinh phí thực hiện các đề án đào tạo nguồn nhân lực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

a. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	3.100
+ Xã Trung tâm	2.800
+ Xã còn lại	2.700

b. Kinh phí trạm y tế xã

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao), phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp và kinh phí biên chế khuyết theo mức 2,34 và các khoản đóng góp trên mỗi biên chế khuyết;

- Định mức phân bổ chi hoạt động: tính trên biên chế được cấp có thẩm quyền giao theo định mức 30 triệu đồng/biên chế/năm.

- Đối với xã có Trạm Y tế xã có trạm xử lý nước thải, được hỗ trợ thêm 1,5 triệu đồng/tháng/1 trạm¹.

c. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng được NSNN đảm bảo và hỗ trợ cho các đối tượng sau:

+ Đối tượng cựu chiến binh theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ;

+ Đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007;

+ Đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg;

+ Đối tượng thanh niên xung phong thời kỳ chống Mỹ theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 và thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008;

+ Đối tượng quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008.

+ Đối tượng dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015.

- Kinh phí thực hiện chính sách cộng tác viên dân số

4. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính

a. Đảm bảo chi con người của cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan quản lý nhà nước theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo quy định hiện hành và kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của số biên chế thực tế, không vượt quá số biên chế được giao.

- Đối với số biên chế chưa được tuyển dụng so với biên chế được giao sẽ khoán theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp, phụ cấp công vụ, Đảng, đoàn thể theo chế độ cho mỗi biên chế chưa tuyển dụng được.

b. Định mức phân bổ chi hoạt động theo biên chế cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền giao, cụ thể:

Đơn vị: đồng/biên chế/năm

Vùng	Định mức phân bổ
------	------------------

¹ Kế thừa nhiệm vụ đang thực hiện

+ Xã Biên giới	44.000.000
+ Xã Trung tâm	42.000.000
+ Xã còn lại	40.000.000

Định mức trên bao gồm kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, nghiệp vụ đặc thù, và thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân cấp, đồng thời đây là căn cứ đảm bảo cho các hoạt động phát sinh trên địa bàn, ngoại trừ một số kinh phí chế độ, chính sách, tiêu chí bổ sung ở phần sau.

c. Đối với Đại biểu HĐND các cấp

- Hoạt động phí của Đại biểu HĐND cấp xã: chiếm tỷ trọng 70% tổng chi cho Đại biểu HĐND cấp xã;

- Chi hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách, chế độ và các điều kiện hoạt động của Đại biểu HĐND các cấp: chiếm tỷ trọng 30%

- Kinh phí thực hiện chế độ kiêm nhiệm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND 02 cấp tỉnh Tây Ninh

d. Đối với các Hội đặc thù: thực hiện hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao để chi hỗ trợ thù lao theo quy định của cấp có thẩm quyền.

đ. Các tiêu chí bổ sung về kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách như: hỗ trợ hoạt động Ban Thanh tra nhân dân của xã phường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã; kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

e. Hỗ trợ kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên lái xe theo số lượng có mặt thực tế không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai: 100 triệu đồng/01 hợp đồng/năm.

5. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin

a. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	10.000
+ Xã Trung tâm	9.000

+ Xã còn lại	8.000
--------------	-------

Định mức trên đã bao gồm các chế độ, chính sách ưu tiên đối với vùng đồng bào, dân tộc theo các chế độ, chính sách nhà nước đã ban hành

b. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí quản lý di tích lịch sử- văn hóa

- Hỗ trợ nhiệm vụ cho người quản lý thiết chế văn hóa, thể thao và kinh phí duy trì, tổ chức hoạt động của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ấp, Nhà Văn hóa liên ấp, Nhà Văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh;

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Nhà thiếu nhi thuộc cấp xã quản lý: 310 triệu đồng/năm/Nhà thiếu nhi

6. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	14.000
+ Xã Trung tâm	13.000
+ Xã còn lại	12.000

7. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số chi sự nghiệp thể dục thể thao

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	11.400
+ Xã Trung tâm	10.400
+ Xã còn lại	9.400

8. Tiêu chí, định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội

a. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
------	------------------

+ Xã Biên giới	20.200
+ Xã Trung tâm	19.200
+ Xã còn lại	18.200

b. Tiêu chí bổ sung

- Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP; Nghị định số 176/2025/NĐ-CP

- Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 26/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

- Kinh phí thực hiện chế độ đối với cộng tác viên công tác xã hội ở xã, phường.

- Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg, và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi;

9. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quốc phòng

a. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	16.500
+ Xã Trung tâm	15.500
+ Xã còn lại	14.500

b. Tiêu chí bổ sung

- Đối với xã biên giới có đường biên tiếp giáp với xã nước bạn, phân bổ 1.040 triệu đồng/xã biên giới/năm; nếu tiếp giáp với từ 02 xã nước bạn trở lên thì được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

- Kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ.

10. Tiêu chí, định mức phân bổ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội

a. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
------	------------------

+ Xã Biên giới	10.500
+ Xã Trung tâm	9.500
+ Xã còn lại	8.500

b. Tiêu chí bổ sung

Đối với xã biên giới có đường biên tiếp giáp với xã nước bạn, phân bổ 740 triệu đồng/xã biên giới/năm; nếu tiếp giáp với từ 02 xã nước bạn trở lên thì được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Phân bổ bằng mức phân bổ của Trung ương cho địa phương và phân bổ ở ngân sách các cấp theo nhiệm vụ chi tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/9/2025 của HĐND tỉnh và theo khả năng cân đối ngân sách.

12. Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế

a. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	230.000
+ Xã Trung tâm	220.000
+ Xã còn lại	210.000

b. Phân bổ kinh phí hỗ trợ, bảo vệ và phát triển đất trồng lúa

Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: phân bổ bằng số Trung ương bố trí cho ngân sách địa phương và được phân bổ cho ngân sách các cấp ngân sách theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh, và hỗ trợ thêm 1,5 triệu đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao².

c. Kinh phí đô thị: trên cơ sở kinh phí đô thị của cấp huyện trước kết thúc hoạt động, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, căn cứ định hướng quy hoạch chung các đô thị của các xã, phường gồm: đô thị mở rộng, đô thị mới và các vùng còn lại theo Công văn số 2686/UBND-KTTC ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh về việc chỉ đạo triển khai công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh, năm 2025-2026, theo đó phân bổ kinh phí để thực hiện các nội dung liên quan công tác lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh và các hoạt động về kinh phí đô thị phát sinh trên địa bàn theo phụ lục I đính kèm.

13. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

² Điểm c, khoản 1, Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP

Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định của HĐND tỉnh hiện hành³, trong đó phân bổ cho các xã, phường Nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường ngân sách cấp xã

14. Mức phân bổ chi khác của ngân sách địa phương

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ (từ khoản 1 đến khoản 13) của từng cấp ngân sách.

15. Phân bổ kinh phí thực hiện khen thưởng:

Kinh phí thực hiện khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Quỹ tiền thưởng này nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Đồng thời đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.

16. Dự phòng ngân sách từng cấp

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, các xã, phường được phân bổ dự phòng ngân sách theo một tỷ lệ thống nhất đảm bảo theo quy định của Luật NSNN (2-5% tổng cân đối ngân sách từng cấp, mức cụ thể do HĐND tỉnh quyết định từng năm).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào nội dung phân cấp theo các quy định trên, các cơ quan, đơn vị và các cấp ngân sách địa phương tổ chức thực hiện đúng theo quy định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh áp dụng kể từ năm ngân sách 2026./.

³ Hiện tại, Sở NN&MT được giao nhiệm vụ tham mưu UBND trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định việc phân định các nhiệm vụ chi và một số mức chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

